

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-11-2024

Về việc: Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Huệ;
Bà Hà Thị Minh Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đinh Phú Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Triệu Tồn P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L
– Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái;

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Triệu Mùi M, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2024 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Triệu Tồn P trình bày:

Anh và chị Triệu Mùi M được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức đám cưới anh và chị Mùi chung sống cùng nhau tại thôn K, xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2022 đến nay. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Triệu Mùi M.

Về con chung: Anh và chị Triệu Mùi M có hai người con chung là Triệu Tồn B, sinh năm 1999 và Triệu Tồn V, sinh năm 2004. Các con đã thành niên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Triệu Tồn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Triệu Mùi M trình bày:

Chị và anh Triệu Tồn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, chị và anh P chung sống với nhau tại thôn K, xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong thời gian anh P đi làm xa chị M đã phát sinh tình cảm với người đàn ông khác. Chị và anh P đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Triệu Tồn P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Triệu Tồn B, sinh năm 1999; cháu Triệu Tồn V, sinh năm 2004. Các cháu đã thành niên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh P tự thỏa thuận tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái, thể hiện: Anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 tại thôn K, xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L – Trợ giúp viên pháp lý trình bày: Anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới anh P và chị M chung sống cùng nhau tại thôn K, xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Anh P và chị M đã sống ly thân mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M.

Về con chung: Anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M có hai người con chung là Triệu Tồn B, sinh năm 1999 và Triệu Tồn V, sinh năm 2004. Các con đã thành niên anh P và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Triệu Tồn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Triệu Tồn P là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M; Về tài sản chung, nợ chung: Anh P và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra vấn đề giải quyết; Về án phí: Anh Triệu Tồn P là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Triệu Tồn P có đơn khởi kiện về việc Ly hôn (không công nhận vợ chồng) với chị Triệu Mùi M, cư trú tại: Thôn K, xã H, huyện VY, tỉnh Yên Bái và Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái giải quyết việc hôn nhân của anh P và chị M. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương nơi anh P và chị M sinh sống xác nhận anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (bút lục 04 và bút lục 28). Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy*

định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Anh P và chị M chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, xử không công nhận anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M có hai con chung Triệu Tồn B, sinh năm 1999; cháu Triệu Tồn V, sinh năm 2004. Các cháu đã thành niên anh P và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Triệu Tồn P là người dân tộc Dao, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với anh Triệu Tồn P.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 235, 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Tồn P và chị Triệu Mùi M.

2. Về án phí: Anh Triệu Tồn P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Triệu Tồn P, chị Triệu Mùi M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND huyện VY;
- Thi hành án DS huyện VY;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS,TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương